



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
Số: 108 /TBHH-TCTBDATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 29 tháng 5 năm 2023

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu-Thị Vải

VTU - 24 - 2023

Vùng biển: Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Tên luồng: Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu từ VT-TV_2304_01 đến VT-TV_2304_13, tỷ lệ 1/5000 đo đạc hoàn thành tháng 5/2023, các số liệu liên quan do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam cung cấp.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật của luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải như sau:

Trong phạm vi tuyến luồng hàng hải được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải (BHHH), độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” như sau:

1. Đoạn luồng từ phao BHHH số “0” đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép có chiều dài 30,6 km, chiều rộng luồng nhỏ nhất 310 m như sau:

- Xuất hiện điểm độ sâu 13,4 m; 13,5 m; 13,6 m; 13,7 m; 13,8 m; 13,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
13,6	10°18'22,9" N	107°04'05,4" E	10°18'19,3" N	107°04'11,8" E
13,7	10°19'05,2" N	107°03'28,9" E	10°19'01,5" N	107°03'35,3" E
13,8	10°18'22,6" N	107°04'04,9" E	10°18'18,9" N	107°04'11,4" E
13,8	10°18'24,5" N	107°04'07,2" E	10°18'20,8" N	107°04'13,6" E
13,9	10°17'30,5" N	107°04'41,9" E	10°17'26,8" N	107°04'48,3" E
13,4	10°19'38,7" N	107°03'07,2" E	10°19'35,0" N	107°03'13,6" E
13,5	10°19'50,1" N	107°03'03,2" E	10°19'46,4" N	107°03'09,6" E
13,7	10°19'39,2" N	107°03'07,8" E	10°19'35,5" N	107°03'14,2" E
13,9	10°19'49,9" N	107°03'02,8" E	10°19'46,3" N	107°03'09,2" E
13,9	10°20'06,4" N	107°02'59,7" E	10°20'02,7" N	107°03'06,2" E
13,9	10°20'10,6" N	107°02'57,9" E	10°20'06,9" N	107°03'04,3" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “5” - 640 m đến phao BHHH số “5” + 730 m, chiều dài khoảng 1,4 km, lún luồng xa nhất 25 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,8 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “12” + 980 m đến phao BHHH số “18” + 350 m, chiều dài khoảng 5,7 km, lún luồng xa nhất 75 m, độ sâu đạt 13,0 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ phao BHHH số “15” – 1330 m đến khu vực phao BHHH số “19”, chiều dài khoảng 4,8 km, lần luồng xa nhất 150 m, độ sâu nhỏ nhất đạt 11,6 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 13,9 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “26” – 415 m đến hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép, chiều dài khoảng 600 m, lần luồng xa nhất 150 m, độ sâu đạt 13,1 m nằm sát biên luồng, độ sâu tại tim luồng đạt 13,8 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 14,0 m.

2. Đoạn luồng từ hạ lưu Bến cảng Xăng dầu Petec Cái Mép đến thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) có chiều dài 7,5 km, chiều rộng luồng 310 m (nhỏ nhất 260 m) như sau:

- Xuất hiện điểm độ sâu 11,4 m; 11,5 m; 11,7 m; 11,8 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,4	10 ⁰ 32'43,7" N	107 ⁰ 01'07,9" E	10 ⁰ 32'40,1" N	107 ⁰ 01'14,4" E
11,5	10 ⁰ 32'44,3" N	107 ⁰ 01'05,7" E	10 ⁰ 32'40,6" N	107 ⁰ 01'12,1" E
11,7	10 ⁰ 32'57,7" N	107 ⁰ 01'01,9" E	10 ⁰ 32'54,0" N	107 ⁰ 01'08,4" E
11,8	10 ⁰ 32'13,5" N	107 ⁰ 01'21,7" E	10 ⁰ 32'09,8" N	107 ⁰ 01'28,2" E
11,8	10 ⁰ 32'22,8" N	107 ⁰ 01'25,1" E	10 ⁰ 32'19,1" N	107 ⁰ 01'31,5" E
11,8	10 ⁰ 32'44,5" N	107 ⁰ 01'08,3" E	10 ⁰ 32'40,8" N	107 ⁰ 01'14,7" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên phải luồng kéo dài từ khu vực phao BHHH số “35” đến phao BHHH số “37” + 120 m, chiều dài khoảng 1,4 km, lần luồng xa nhất 85 m, độ sâu đạt 7,4 m nằm sát biên luồng.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “42” – 470 m đến phao BHHH số “44”, chiều dài khoảng 1,1 km, lần luồng xa nhất 135 m, độ sâu đạt 7,2 m nằm sát biên luồng.

- Trong phạm vi vùng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 500 m (tại khu nước phía trước nhà máy đóng tàu Ba Son), độ sâu đạt 13,2 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

3. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Tổng hợp Thị Vải (ODA) đến thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) có chiều dài 2,8 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 220 m như sau:

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “44” đến phao BHHH số “46”, chiều dài khoảng 390 m, lần luồng xa nhất 70 m, độ sâu đạt 6,1 m.

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng kéo dài từ phao BHHH số “46” + 220 m đến phao BHHH số “48”, chiều dài khoảng 540 m, lần luồng xa nhất 36 m, độ sâu đạt 6,1 m.

- Xuất hiện các điểm độ sâu 11,2 m; 11,6 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
11,2	10 ⁰ 34'56,7" N	107 ⁰ 01'27,8" E	10 ⁰ 34'53,0" N	107 ⁰ 01'34,3" E
11,6	10 ⁰ 34'57,0" N	107 ⁰ 01'27,2" E	10 ⁰ 34'53,3" N	107 ⁰ 01'33,6" E

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 12,0 m.

4. Đoạn luồng từ thượng lưu Bến cảng Quốc tế Sài Gòn Việt Nam (SITV) đến hết vũng quay trở tàu phía thượng lưu Bến cảng Vedan Phước Thái có chiều dài 9,6 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m như sau:

- Xuất hiện điểm độ sâu 5,6 m; 6,2 m; 6,8 m; 6,9 m; 7,0 m; 7,1 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,6	10 ⁰ 39'41,1" N	107 ⁰ 00'44,5" E	10 ⁰ 39'37,5" N	107 ⁰ 00'50,9" E
6,2	10 ⁰ 39'40,1" N	107 ⁰ 00'49,6" E	10 ⁰ 39'36,4" N	107 ⁰ 00'56,0" E
6,8	10 ⁰ 38'51,5" N	107 ⁰ 00'41,4" E	10 ⁰ 38'47,9" N	107 ⁰ 00'47,8" E
6,9	10 ⁰ 39'39,9" N	107 ⁰ 00'50,4" E	10 ⁰ 39'36,2" N	107 ⁰ 00'56,9" E
6,9	10 ⁰ 39'39,4" N	107 ⁰ 00'49,8" E	10 ⁰ 39'35,7" N	107 ⁰ 00'56,2" E
7,0	10 ⁰ 39'29,7" N	107 ⁰ 00'55,2" E	10 ⁰ 39'26,0" N	107 ⁰ 01'01,6" E
7,1	10 ⁰ 39'31,3" N	107 ⁰ 00'55,5" E	10 ⁰ 39'27,7" N	107 ⁰ 01'01,9" E

- Dải điểm độ sâu nằm bên trái luồng từ khu vực phao BHHH số "68" + 190 m, về phía thượng lưu khoảng 80 m, lần luồng xa nhất 40 m, độ sâu đạt 6,0 m nằm sát biên luồng.

- Trong phạm vi vũng quay trở tàu được giới hạn bởi đường tròn có đường kính D = 250 m (tại khu nước phía thượng lưu bến cảng Vedan Phước Thái), độ sâu đạt 5,6 m.

Ngoài các điểm độ sâu, dải điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 7,2 m.

5. Đoạn luồng từ vũng quay trở tàu rộng 250 m về phía thượng lưu có chiều dài 3,5 km, chiều rộng đáy luồng nhỏ nhất 90 m, tuyến luồng tận dụng độ sâu tự nhiên có tọa độ tìm tuyến xác định theo bảng sau:

Tuyến	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
T1	10 ⁰ 39'50,5" N	107 ⁰ 00'17,7" E	10 ⁰ 39'46,8" N	107 ⁰ 00'24,2" E
T2	10 ⁰ 39'56,5" N	107 ⁰ 00'03,5" E	10 ⁰ 39'52,8" N	107 ⁰ 00'09,9" E
T3	10 ⁰ 40'03,8" N	106 ⁰ 59'56,3" E	10 ⁰ 40'00,1" N	107 ⁰ 00'02,7" E
T4	10 ⁰ 40'18,5" N	106 ⁰ 59'50,5" E	10 ⁰ 40'14,8" N	106 ⁰ 59'56,9" E
T5	10 ⁰ 40'18,5" N	106 ⁰ 59'42,2" E	10 ⁰ 40'14,8" N	106 ⁰ 59'48,7" E
T6	10 ⁰ 40'06,9" N	106 ⁰ 59'34,4" E	10 ⁰ 40'03,2" N	106 ⁰ 59'40,8" E
T7	10 ⁰ 40'07,3" N	106 ⁰ 59'25,3" E	10 ⁰ 40'03,7" N	106 ⁰ 59'31,8" E
T8	10 ⁰ 40'15,5" N	106 ⁰ 59'22,3" E	10 ⁰ 40'11,8" N	106 ⁰ 59'28,8" E

- Xuất hiện các điểm độ sâu 5,1 m; 5,9 m tại vị trí có tọa độ:

Độ sâu (m)	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
5,1	10 ⁰ 40'08,4" N	106 ⁰ 59'24,1" E	10 ⁰ 40'04,7" N	106 ⁰ 59'30,6" E
5,9	10 ⁰ 40'10,3" N	106 ⁰ 59'22,9" E	10 ⁰ 40'06,7" N	106 ⁰ 59'29,3" E

Ngoài các điểm độ sâu nêu trên độ sâu đoạn luồng này đạt 6,1 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI:

Tàu thuyền hành hải trên luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải căn cứ thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu để có biện pháp hàng hải an toàn. Lưu ý điểm độ sâu, dài điểm độ sâu và tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ hàng hải Đồng Nai để đảm bảo an toàn hàng hải. /.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu;
- Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai;
- Xí nghiệp Hoa tiêu Vũng Tàu;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải Việt Nam;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Các phòng: KT-KH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu: VT-VP, P. ATHH_{Dat}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

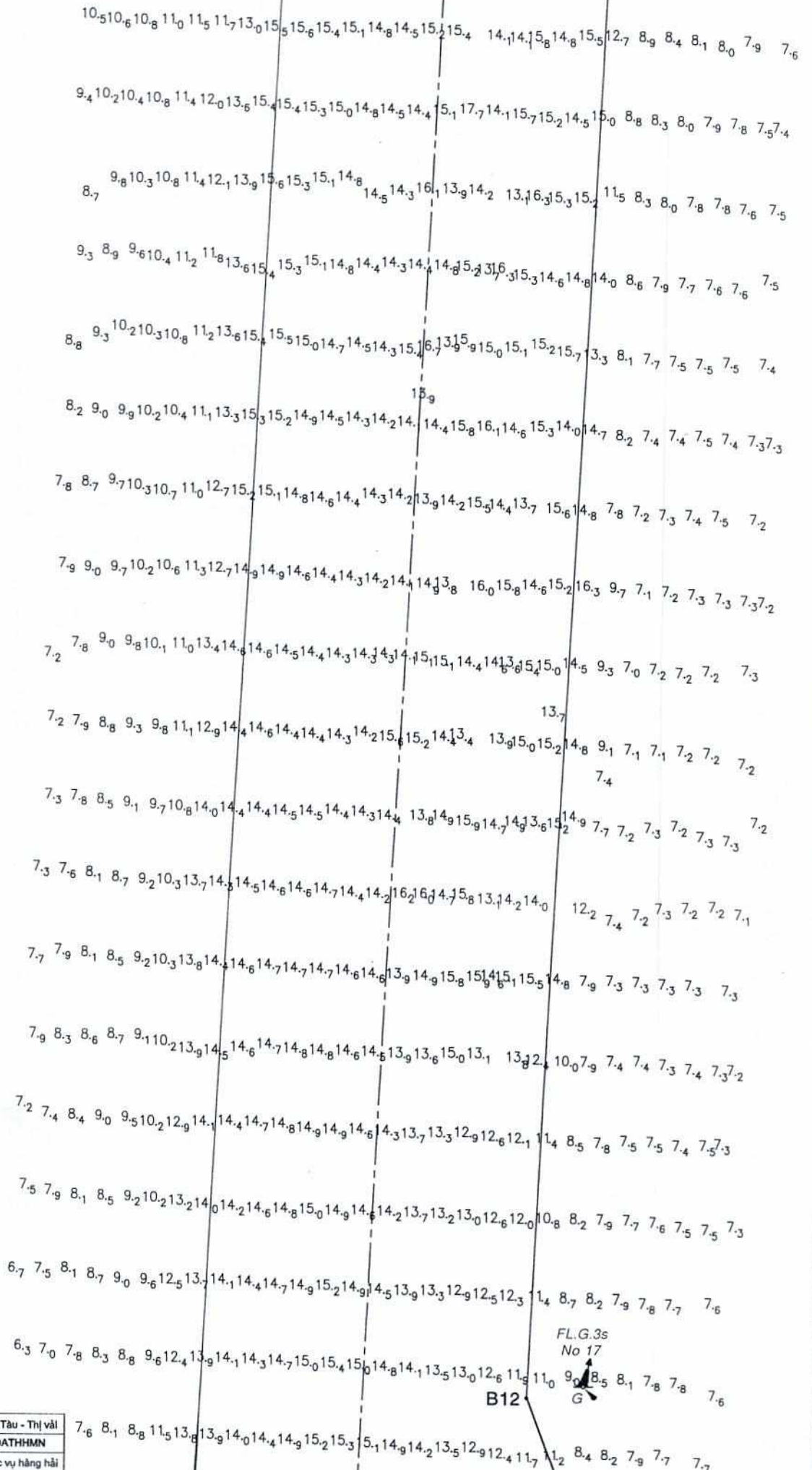


Đinh Thái Công



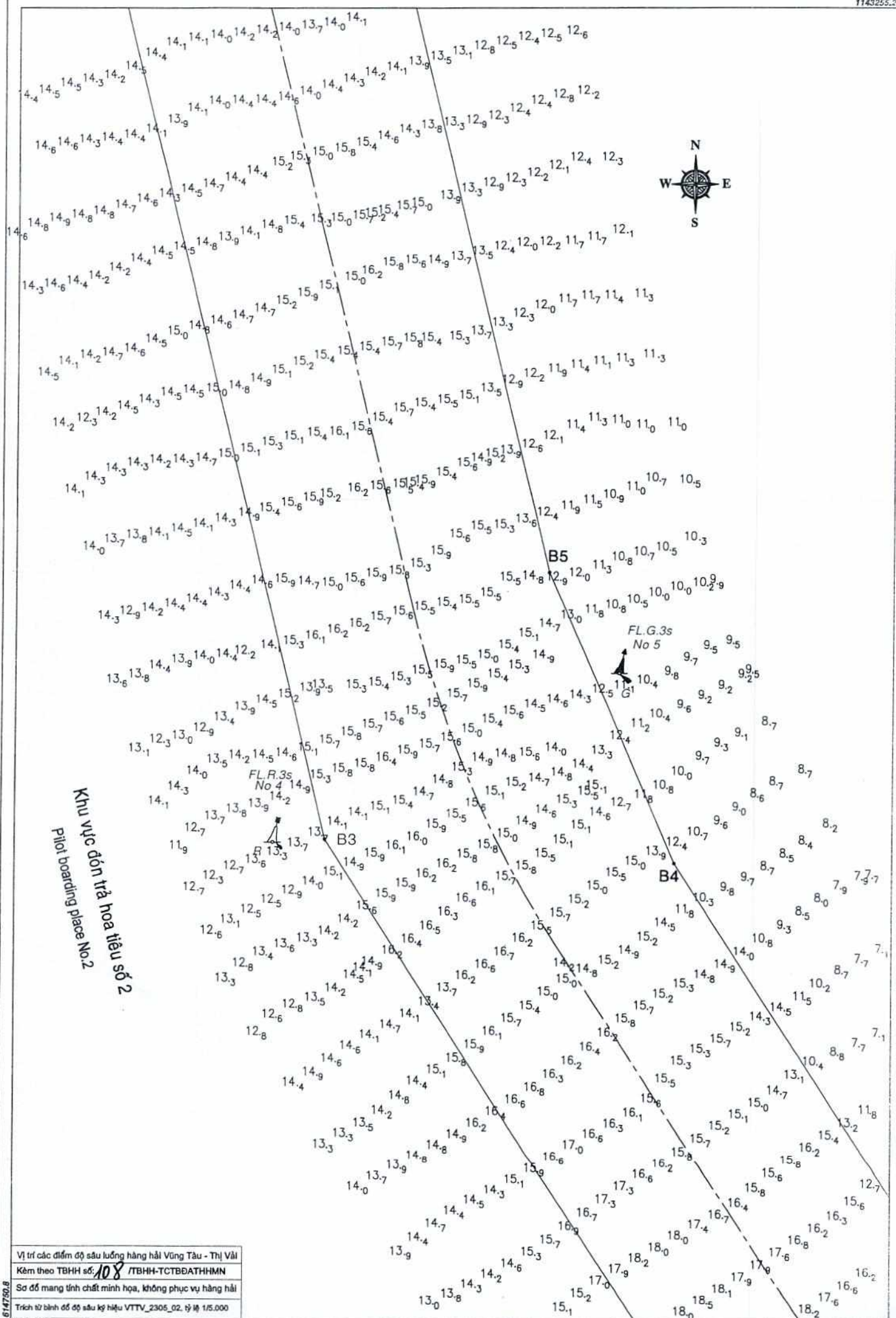
Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Chi Cục đường sông phía Nam
- 6 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 7 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 8 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 9 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 10 Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- 11 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh
- 12 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 13 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- 14 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 15 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 21 Cảng Sài Gòn
- 22 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 23 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 24 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 25 XN Trục Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 26 CN1 – Công ty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 27 Đài thông tin Duyên hải Vũng Tàu
- 28 Bộ đội biên phòng tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu,
- 29 Bộ đội biên phòng tỉnh Đồng Nai
- 30 Sở GTVT, Sở NN&PTNT các tỉnh:
Bà Rịa – Vũng Tàu
Đồng Nai
- 31 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ
- 32 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam



Vị trí các điểm độ sâu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị vãi
 Kèm theo TBHH số: **108** /TBHH-TCTĐĐATHHVN
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu VTTV-2305_07, tỷ lệ 1/5.000

1010
 TON
 TY
 NH
 EN
 T.F



Vị trí các điểm độ sâu lượng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải

Kèm theo TBHH số: 108 /TBHH-TCTBĐATHHNM

Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải

Trích từ bình đồ độ sâu kỹ hiệu VTTV_2305_02, tỷ lệ 1/5.000

1141793.8



T H A I
V A I
R I V E R

đăng cá
fish weir

đăng cá
fish weir

VÙNG QUAY TÀU

cảng tầu
Thị Vải

cảng quốc tế SP-PSA
SP- PSA international port

Vị trí các điểm đo sâu luồng hàng hải Vùng Tàu - Thị Vải
Kèm theo TBHH số: 108 /TBHH-TCTBĐATHMN
Số đo mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
Trích từ bình đồ độ sâu kỹ Nậu VT-TV-2305_10, tỷ lệ 1/5.000

610437.5

116645.9

Kính tuyến trục 106 độ, mũi chiếu 3 độ